

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC THIẾT LẬP VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG (1945-1954)

TS NGUYỄN THỊ THU HÀ

Học viện Chính trị khu vực I

Ngày nhận:

17-2-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

28-2-2025

Ngày duyệt đăng:

6-3-2025

Tóm tắt: Ngay sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thiết lập một nền giáo dục mới - nền giáo dục dân tộc, dân chủ, chuẩn bị chương trình cải cách hệ thống giáo dục cũ, từng bước phát triển giáo dục phổ thông thành một nền giáo dục đại chúng góp phần vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc, đưa dân tộc Việt Nam bước sang một trang sử mới. Những kết quả quan trọng này càng thể hiện sâu sắc thắng lợi của quan điểm, đường lối giáo dục dân tộc, dân chủ của Đảng và Nhà nước Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh.

Từ khóa:

Chủ tịch Hồ Chí Minh; Bình dân học vụ; Cải cách giáo dục; Giáo dục phổ thông

1. Thiết lập và phát triển giáo dục (1945-1950)

Cách mạng Tháng Tám 1945 thắng lợi, nước Việt Nam đã giành được độc lập nhưng phải đứng trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, “giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm” đe dọa đến sự tồn vong của dân tộc. Ngày 3-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ tại Bắc Bộ phủ. Vấn đề nâng cao trình độ dân trí đã được Đảng và Chính phủ quan tâm. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ sáu nhiệm vụ cấp bách mà Nhà nước cần thực hiện, trong đó, việc giải quyết nạn mù chữ được xếp thứ hai trong danh sách các ưu tiên, chỉ sau việc chống nạn đói. “Nạn dốt là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta. Hơn chín mươi phần trăm đồng bào chúng ta mù chữ Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu. Vì vậy, tôi đề nghị mở một chiến dịch để chống nạn mù chữ”¹.

Đề từng bước thực hiện nhiệm vụ “khai dân trí”, Chính phủ đã ban hành nhiều Sắc lệnh liên quan đến xóa mù chữ. Ngày 8-9-1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký ban hành 3 Sắc lệnh liên quan đến Bình dân học vụ (Sắc lệnh số 17/SL, 19/SL và 20/SL). Theo Sắc lệnh 17, Việt Nam phải “đặt ra một Bình dân học vụ trong toàn cõi Việt Nam”; Sắc lệnh 19 nêu rõ: “Thiết lập cho nông dân và thợ thuyền những lớp học bình dân buổi tối, Trong hạn 6 tháng, làng nào và đô thị nào cũng đã phải là một lớp học dạy được ít nhất là 30 người; Sắc lệnh 20 quy định: Trong khi đợi lập được nền Tiểu học cưỡng bách, việc học chữ Quốc ngữ từ nay bắt buộc và không mất tiền cho tất cả mọi người. Hạn trong một năm, toàn thể dân chúng Việt Nam trên tám tuổi phải biết đọc và biết viết chữ Quốc ngữ. Quá hạn đó, một người dân Việt Nam nào trên tám tuổi mà không biết đọc và biết viết chữ Quốc ngữ sẽ bị

phạt tiền. Như vậy, chủ trương của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là bắt buộc phải học chữ trên toàn lãnh thổ Việt Nam, và học không mất tiền. Bộ Quốc gia Giáo dục đã chỉ đạo tập hợp cán bộ dạy chữ Quốc ngữ và thực hiện chiến dịch xóa mù chữ, để từng bước nâng cao dân trí.

Để sửa đổi chương trình, biên soạn lại sách giáo khoa theo nguyên tắc “Dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa”, ngày 10-10-1945, Chính phủ ban hành Sắc lệnh 44/SL, cử ra “Hội đồng cố vấn học chính” để giúp Bộ Quốc gia Giáo dục triển khai việc nghiên cứu chương trình giáo dục chuyển tiếp bậc tiểu học. Thống nhất bậc tiểu học từ nay còn 4 lớp (gọi là lớp tư, lớp ba, lớp nhì, lớp nhất). So với bậc học cũ thời gian học được rút ngắn từ 1-2 năm. Tạm thời áp dụng chương trình cũ ở một số môn khoa học tự nhiên (chương trình Hoàng Xuân Hãn ban hành dưới thời chính phủ Trần Trọng Kim), nhưng xóa bỏ những phần trái với chính thể dân chủ cộng hòa, hoặc những kiến thức có tính chất nhồi nhét vô bổ. Bỏ hẳn chương trình môn học luân lý cũ, thay vào đó là chương trình mới về “Công dân giáo dục và Đạo đức”. Môn học này cung cấp cho học sinh những khái niệm đạo đức mới như lòng yêu nước, nghĩa hợp quần, công lý, bác ái, những bổn phận của con người trong gia đình và của người công dân trong xã hội, những điều thường thức về chính trị như bầu cử, ứng cử, quốc hội, nhà nước chính thể dân chủ cộng hòa...²

Ngày 10-6-1946, Chính phủ ban hành 2 sắc lệnh: Sắc lệnh số 146/SL khẳng định ba nguyên tắc căn bản của nền giáo dục mới: dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa. Quy định hệ thống giáo dục mới gồm ba cấp học: bậc học cơ bản (tiểu học) 4 năm và từ năm 1950 sẽ là bậc học cưỡng bách; bậc học tổng quát (gồm trung học phổ thông và trung học chuyên khoa) 3 + 4 = 7 năm, bên cạnh đó có bậc chuyên nghiệp tương đương và bậc đại học. Sắc lệnh số 147/SL quy định rõ bậc học cơ bản là bậc

học cưỡng bách đối với tất cả mọi người (dự kiến từ năm 1950), miễn phí và dạy bằng tiếng mẹ đẻ³.

Tháng 9-1945, nhân dịp khai giảng năm học đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Thư gửi học sinh*. Trong thư, Người viết: “Sau 80 năm giời nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”⁴. Tháng 10-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi “*Chống nạn thất học*”. Người viết: “Khi xưa Pháp cai trị nước ta, chúng thi hành chính sách ngu dân. Chúng hạn chế mở trường học, chúng không muốn cho dân ta biết chữ để lừa dối dân ta và bóc lột dân ta. Số người Việt Nam thất học so với số người trong nước là 95 phần trăm, nghĩa là hầu hết người Việt Nam mù chữ. Như thế thì tiến bộ làm sao được? Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này là nâng cao dân trí. Chính phủ đã ra hạn trong một năm, tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết chữ quốc ngữ. Chính phủ đã lập một Nha Bình dân học vụ để trông nom việc học của dân chúng. Quốc dân Việt Nam! Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh nước giàu, mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ”⁵. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phong trào toàn dân tham gia Bình dân học vụ phát triển sôi nổi khắp nơi. Những đoàn “chiến sĩ diệt giặc dốt” được huấn luyện cấp tốc và trở về các địa phương để chỉ đạo phong trào,

ở các địa phương, nơi nào cũng có thể trở thành lớp học: đình, chùa, nhà ở, cổng làng, xưởng máy, doanh trại,... lớp học sáng sớm, lớp học trưa, lớp buổi tối dành cho người lao động. Những khẩu hiệu: “Tham gia Bình dân học vụ là yêu nước!”, “Giúp đỡ Bình dân học vụ là yêu nước!”, được phát động ở khắp nơi. Với tinh thần: *Đi học bình dân học vụ là yêu nước! Dạy bình dân học vụ là yêu nước! Giúp đỡ bình dân học vụ là yêu nước! Giặc đốt diệt, Việt Nam cường! Chống nạn thất học cũng như chống nạn ngoại xâm!* Các làng, xã đều đã mở lớp bình dân học vụ. Ở đâu có người cần học là ở đó có lớp học; học viên gồm đủ các lứa tuổi, các giới đồng bào, có cả những cụ già 60, 70 tuổi cùng ngồi một lớp với các cháu 8, 9 tuổi... Ở các vùng dân tộc, nhiều thanh niên mang com gạo đi xa hàng 30-40 km đến lớp học “chữ Cụ Hồ” và lại trở về dạy cho đồng bào. Lực lượng thanh niên, học sinh, trí thức yêu nước cũng tỏ rõ nhiệt tình cách mạng trong chiến dịch.

Về giáo dục phổ thông, sau Cách mạng Tháng Tám, ta tiếp quản một hệ thống giáo dục do thực dân Pháp để lại, cả nước chỉ có 6.491 trường học các cấp kể cả trường công và tư với 478.778 học sinh, trong đó 92% là trường học sơ học (tương đương lớp 1 và 2); 7,6% là trường sơ học tiểu học (tương đương lớp 3 và 4); 0,3% là trường cao đẳng tiểu học (tương đương bậc phổ thông cơ sở); 0,6% là trường trung học (tương đương bậc trung học phổ thông)⁷. Năm học đầu tiên 1945-1946, cả nước đã mở được 5.654 trường tiểu học, sơ học với số học sinh 280.798 và 8720 giáo viên. Bậc trung học có 29 trường (Bắc Bộ: 9; Trung Bộ: 10 trường bán công, 6 trường công; Nam Bộ: 4, với 2.378 học sinh)⁸. Chỉ sau một năm, cả nước đã có thêm 2.500.000 người biết chữ. Hệ thống giáo dục phổ thông và đại học cũng được xây dựng và từng bước phát triển. Tiếng Việt được sử dụng trong các văn bản chính thức của Nhà nước và trong việc giảng dạy, học tập ở các trường lớp. Thắng lợi của cuộc đấu tranh chống “giặc đốt” thể hiện sự

quan tâm của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đời sống tinh thần và văn hóa của nhân dân trong chế độ mới. Việc xóa mù chữ đã giúp cho nhân dân nâng cao lòng yêu nước, ý thức dân tộc, hiểu thêm và tự hào về truyền thống văn hóa của đất nước. Hơn nữa, quyền được học tập đã mang lại lợi ích thiết thực cho mỗi con người, tạo sự bình đẳng cho các cá nhân, giúp nhân dân có trình độ hiểu biết để tự giải phóng cho mình, góp sức vào sự nghiệp chung của dân tộc⁶.

Cuối năm 1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, ngành giáo dục phải chuyển hướng hoạt động cho phù hợp với hoàn cảnh lịch sử mới. Giáo dục là một công cụ sắc bén góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc chống thực dân Pháp xâm lược, vì vậy, nhiệm vụ quan trọng nhất của giáo dục trong thời kỳ này là: Phải tìm mọi biện pháp khôi phục lại các hoạt động giảng dạy và học tập của các loại trường cho phù hợp với hoàn cảnh mới và đáp ứng tốt những yêu cầu mới của sự nghiệp kháng chiến kiến quốc. Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương (4-1947), vạch ra những phương hướng chính cho giáo dục: “1. Chương trình học phải thiết thực, nhằm mục đích đào tạo nhân tài, cần dùng cho kháng chiến trước hết, về tất cả các ngành y tế, canh nông, quân giới cũng như thương mại, ngoại giao, v.v.; 2. Học sinh phải vừa học vừa tham gia sản xuất, để tự túc tự cấp một phần nào, v.v.; 3. Tiếp tục phát triển bình dân học vụ; 4. Chú ý mở trường ở các vùng quốc dân thiểu số⁹”. Nghị quyết Hội nghị Trung ương mở rộng (1-1948) yêu cầu: “Bộ Giáo dục: họp hội nghị giáo giới chân chính và mở mang việc học trong thời kháng chiến, định chương trình học cho các cấp, soạn sách giáo khoa mới, định cách dạy học trò theo lối mới, vừa tránh được nạn nhồi sọ của thời thuộc Pháp, vừa thích hợp với tinh thần kháng chiến và dân chủ, mở trường Sư phạm đào tạo giáo sư mới và bổ túc cho giáo sư cũ, rút kinh nghiệm của các trường hiện nay và mở thêm các trường mới theo kế

hoạch hãn hoi (đặc biệt chú ý mở các trường đại học và gửi du học sinh ra ngoài)..

Trong hoàn cảnh mới, Đảng đã kịp thời đề ra chủ trương phát triển giáo dục phù hợp với điều kiện kháng chiến. Mặc dù trong hoàn cảnh thiếu thốn, gian khổ của cuộc kháng chiến, công tác giáo dục có những biến chuyển rõ rệt làm thay đổi tình trạng giáo dục thấp kém do chế độ thực dân cũ để lại.

Từ sau Chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông năm 1947, ta ngày càng giành được những thắng lợi vang dội trên khắp các mặt trận. Trên đà thắng lợi đó, ngày 19-5-1948 Trung ương Đảng đã ra chỉ thị về thi đua ái quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi thi đua ái quốc”. Trong khí thế thi đua yêu nước của đồng bào cả nước, Nha Bình dân học vụ đã phát động một chiến dịch “diệt dốt”. Ở Nam Bộ “cuối năm 1947, đã xóa nạn mù chữ cho gần 600.000 người đạt 21% số người mù chữ từ 16 - 25 tuổi trong vùng cách mạng kiểm soát, mở 9.400 lớp dự bị bình dân gồm 209.700 học viên mãn khóa”¹⁰ trong hoàn cảnh kháng chiến gian khổ, tính đến tháng 9-1948, Nam bộ có 2.124 lớp với số giáo viên là 2.099, số học sinh là 70.970 người. Trường, lớp được mở trong các thôn, xã, các cơ quan. Ở Khu 9 còn có thêm một số trường tiểu học do các tỉnh ủy và Bộ Tư lệnh Khu 9 mở như: Trường Thiếu sinh quân Huỳnh Phan Hộ, Trường tiểu học Bạc Liêu, Trường tiểu học Cần Thơ, Trường tiểu học Sa Đéc, Trường tiểu học Phan Lương Trục Mỹ Tho, Trường Thiếu sinh quân Khu 9...”¹¹.

Nhờ công tác xóa mù chữ và phong trào bình dân học vụ, giai đoạn này đã có những cải tổ quan trọng, xây dựng được hệ thống giáo dục phổ thông cùng đội ngũ giáo viên và học sinh đông đảo, chất lượng ngày càng được nâng cao, đặc biệt là trong các ngành học phổ thông. Năm học 1945-1946, cả nước chỉ có 3.500 giáo viên tiểu học và 95 giáo viên trung học, đến năm 1950, số giáo viên tiểu học đã tăng lên 10.500 người, cùng với 584 giáo viên cấp

hai và 31 giáo viên cấp ba¹². Nhờ việc mở rộng đội ngũ giáo viên, hệ thống trường lớp và số lượng học sinh cũng gia tăng, đồng thời học sinh được hưởng nhiều chế độ ưu đãi. Riêng tại khu vực từ Liên Khu V trở ra, trong năm học 1948-1949 ở vùng tự do đã có 35 trường phổ thông trung học với 6.535 học sinh. Toàn quốc có 6.328 trường tiểu học, thu hút 411.127 học sinh theo học¹³. Tính đến tháng 6-1950, số người được xóa nạn mù chữ đã lên tới 10 triệu. Một số đông được tiếp tục học qua lớp dự bị để biết đọc, biết viết thành thạo. Tổng số đơn vị đã được công nhận thoát nạn mù chữ là 10 tỉnh, 80 huyện, 1424 xã và 7248 thôn. Tiêu biểu nhất là các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Phúc Yên, Thái Bình, Hà Nam, Hòa Bình, Hưng Yên, Phú Yên, Bình Định, Quảng Nam¹⁴.

Trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến, Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã định hướng thực hiện cải cách và đổi mới nền giáo dục, đáp ứng yêu cầu phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến và xây dựng đất nước. Trên tinh thần đó, chức năng và nhiệm vụ của ngành giáo dục được xác định một cách rõ ràng, kế thừa và phát triển những quan điểm về xây dựng một nền giáo dục mới cho Việt Nam.

2. Thực hiện cải cách giáo dục (1950-1954)

Năm 1950, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp phát triển mạnh mẽ trên nhiều phương diện, đánh dấu giai đoạn quan trọng trong lịch sử dân tộc. Trước bối cảnh thắng lợi chung, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Chính phủ đã quyết định thực hiện cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất. Tháng 7-1950, Hội đồng Chính phủ thông qua Đề án Cải cách giáo dục, theo Đề án, nền giáo dục của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được chính thức tuyên bố là “*Nền giáo dục của nhân dân, do dân, vì dân. Được xây dựng theo nguyên tắc: Dân tộc, khoa học, đại chúng*”. Mục tiêu giáo dục: Giáo dục thế hệ trẻ trở thành công dân trung thành với Tổ quốc, có năng lực và phẩm chất phục vụ đất nước.

Phương châm giáo dục: Học đi đôi với thực hành, lý luận gắn với thực tiễn. Nội dung giáo dục: Tập trung vào một số môn là Tiếng Việt, Văn, Toán, Lý, Hóa, Sinh. Có các môn học mới: Thời sự chính sách, Giáo dục công dân, Tăng gia sản xuất...

Cơ cấu trường phổ thông gồm 3 cấp học: Cấp I: 4 năm (lớp 1 đến lớp 4) thay cho bậc tiểu học cũ 6 năm; Cấp II: 3 năm (lớp 5 đến lớp 7) thay cho bậc trung học đệ nhất gồm 4 năm; Cấp III: 2 năm (lớp 8 đến lớp 9) thay cho bậc trung học chuyên khoa (hay trung học đệ nhị cấp 3 năm). Hệ thống giáo dục bình dân (cho người lớn) có 4 cấp: Sơ cấp (học 4 tháng xóa nạn mù chữ); Dự bị bình dân (4 tháng đạt trình độ lớp 2, 3 phổ thông); Bổ túc bình dân (học 8 tháng đạt trình độ lớp 5 phổ thông) và Trung cấp bình dân (hay Trung học bình dân) học 18 tháng, đạt trình độ lớp 8 phổ thông.

Ngày 31-7-1950, Bộ Quốc gia Giáo dục ra Thông tư thực hiện Đề án cải cách giáo dục quy định mục tiêu, yêu cầu của từng cấp học. Theo đó, cấp I nặng về chương trình quan sát; cấp II sắp đặt quan sát thành hệ thống, nặng về thực hành; cấp III lý luận và thực hành. Về tổ chức học, có những hướng dẫn rất cụ thể, như sáp nhập trường tiểu học vào trung học nếu cần thiết. Chú ý đến điều kiện mở trường để tăng cường chất lượng, không chạy theo số lượng của những năm trước; đặc biệt là chú ý tới đội ngũ giáo viên. Tổ chức thường xuyên các lớp rèn cán chính cơ, chính huấn để nâng cao nhận thức chính trị cho giáo viên.

Tháng 7-1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Đại hội Giáo dục toàn quốc yêu cầu “Đại hội nên kiểm thảo kỹ công tác “cải cách” về chương trình, chủ trương và cách thi hành, để tìm thấy những khuyết điểm mà sửa đổi, những ưu điểm mà phát triển thêm. Đại hội nên chú ý làm thế nào cho việc giáo dục liên kết với đời sống của nhân dân, với công cuộc kháng chiến và kiến quốc của dân tộc. Làm thế nào để phối hợp việc giáo dục của

trường học với việc tuyên truyền và giáo dục chính trị chung của nhân dân”¹⁵.

Đây cũng là cuộc cải cách đầu tiên của nền giáo dục của nước Việt Nam mới, nhận được sự quan tâm chỉ đạo đặc biệt từ Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cuối năm 1951, Bộ Quốc gia Giáo dục đã ban hành văn bản hướng dẫn triển khai kế hoạch giảng dạy theo chương trình mới, tập trung vào các môn học như quốc văn, toán, lý và ngoại ngữ. Tuy nhiên, môn ngoại ngữ sau đó đã tạm dừng do điều kiện học tập chưa đủ khả năng đáp ứng. Theo hệ thống giáo dục mới, năm học bắt đầu từ tháng 1 và kết thúc vào tháng 12 cùng năm, chia thành hai kỳ học, mỗi kỳ kéo dài 4 tháng. Xen giữa là hai khoảng nghỉ giúp học sinh tham gia sản xuất trong những giai đoạn cao điểm của mùa màng hoặc tránh thời tiết khắc nghiệt, đảm bảo sức khỏe.

Một yêu cầu cấp bách của cải cách giáo dục là chống tái mù chữ ở những vùng giải phóng, mở rộng mạng lưới các trường phổ thông. Cụ thể là: mỗi xã ở đồng bằng có một trường cấp I hoàn chỉnh, mỗi xã ở miền trung du và vùng đông dân ở miền núi có những lớp đầu cấp I, mỗi huyện có một trường phổ thông cấp II, các tỉnh ở miền núi nhất thiết phải mở trường cấp II ở thị xã. Thực hiện chủ trương phát triển trường học, các địa phương đã có nhiều cố gắng tận dụng mọi khả năng về cán bộ và tài chính có thể có trong nhân dân để xây dựng phát triển trường học đáp ứng nhu cầu học tập của con em mình. Tuy nhiên, việc mở rộng mạng lưới trường phổ thông cấp I về tận xã gặp một khó khăn lớn là ngân sách của Nhà nước rất eo hẹp không đủ để trả lương cho giáo viên. Nhiều địa phương đã có sáng kiến đề cử giáo viên đề cấp trên xét duyệt và chủ động nguồn kinh phí đãi thọ.

Nhờ chủ trương đó mà số lượng học sinh phổ thông cấp I ở các tỉnh miền Bắc tăng lên nhanh chóng, từ 416.546 (năm 1950) lên 633.718 (năm 1954).

Mạng lưới các trường phổ thông cấp II ở các huyện vùng tự do và mới giải phóng cũng được mở rộng một cách đáng kể, từ 71 trường năm 1950 lên tới 269 trường năm 1954; số học sinh tăng từ 21.849 năm 1950 lên 63.209 năm 1954. Nhiều tỉnh ở miền núi phía Bắc như Cao Bằng, Bắc Cạn, Quảng Yên đã mở được trường cấp II ở các tỉnh lỵ, đến năm 1954 đã có đủ các lớp cấp II hoàn chỉnh¹⁶.

Ở Nam Bộ, mặc dù trong thời gian 1950-1954, chiến tranh ác liệt, nhưng sự nghiệp giáo dục vẫn được thực hiện, hoạt động có hiệu quả, nhất là ở Khu 9. Từ năm 1952, nhu cầu tiếp tục mở các trường trung học được đặt ra để thu nhận học sinh tốt nghiệp các trường tiểu học kháng chiến và con em nhân dân vùng tạm chiếm ra vùng tự do. Các trường Trung học Bạc Liêu (150 học sinh từ học sinh tiểu học lên), Trung học Tiên Phong (vừa học vừa làm và hoàn toàn tự túc, hai khóa, 150 học sinh) của Xứ đoàn Thanh niên cứu quốc Nam Bộ được thành lập. Ở các khu và tỉnh có thêm một số trường tiểu học kháng chiến, như Trường Thiếu sinh quân Huỳnh Phan Hộ (223 học sinh), Trường Thiếu sinh quân Khu 9 (200 học sinh), trường Tiểu học Cần Thơ, Sa Đéc... Trường tiểu học Phan Ngọc Hiến - Bạc Liêu rất có quy củ, mở liên tục và là trường mẫu mực trong vùng. Đến năm 1954, có 3 triệu người đã thoát nạn mù chữ, trong đó có nửa triệu người được học lên các lớp dự bị với khoảng 20.000 lớp. Năm 1951, các trường trung học kháng chiến bị giải thể để đưa học sinh ra công tác tại các cơ quan Quân chính Đảng Nam Bộ và cả ở chiến trường Campuchia theo chủ trương “Tích cực chuẩn bị Tổng phản công”, tuy nhiên vẫn duy trì các trường trung học bình dân Nguyễn Công Mỹ, Huỳnh Phan Hộ, Trường văn hóa chiến sĩ thi đua Nam Bộ... Các trường này tồn tại đến những năm 1953-1954¹⁷.

Giai đoạn 1950-1954, mặc dù phải đối mặt với nhiều thử thách, nhưng nền giáo dục Việt Nam đã khẳng định vai trò quan trọng của mình như một hệ

thống giáo dục dân chủ, phục vụ nhân dân và góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến và công cuộc kháng chiến, kiến quốc, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của giáo dục trong các giai đoạn tiếp theo.

Từ năm 1945 đến năm 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng và lãnh đạo sự nghiệp xây dựng nền giáo dục Việt Nam, góp phần quan trọng trong việc định hướng phát triển của đất nước. Người đã khẳng định tầm quan trọng của giáo dục trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước. Những chính sách và tư tưởng giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ xóa nạn mù chữ đến phát triển giáo dục phổ thông và chuyên nghiệp, đã tạo động lực mạnh mẽ để nhân dân Việt Nam vươn lên trong hoàn cảnh khó khăn, đồng thời đặt nền tảng cho sự phát triển của nền giáo dục cách mạng. Những giá trị cốt lõi về tư tưởng giáo dục mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại vẫn giữ nguyên giá trị và ý nghĩa, tiếp tục soi sáng con đường phát triển giáo dục nước nhà trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay.

1, 4, 5. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 4, tr. 7, 34-35, 40

2, 3, 7, 8, 14, 16. Xem: Bùi Minh Hiền - Nguyễn Quốc Trị: *Lịch sử giáo dục Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, H, 2019, tr. 96, 97, 93-94, 95, 105, 114-115

6. Xem: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* Nxb CTQG, H, 2018, T. I, Q. 2 (1945-1954), tr. 43

9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 1999, T. 8, tr. 188

10, 11. *Giáo dục Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp*, Nxb Trẻ, tr. 53, 27

12, 13. Trần Hồng Quân: *50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945 - 1995)*, Nxb Giáo dục, H, 1995, tr. 310, 311

15. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 7, tr. 139

17. Xem: *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Nxb CTQG, H, 2011, T. I (1945-1954) tr. 491-492.